TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-PT

Ngày 30 - 9 - 2023

V/v *"Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các Thẩm phán: Ông Trương Quyết Thắng

Ông Lương Văn Đài

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2023/TLPT-KDTM ngày 15/8/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"* do bản án sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐ-PT ngày 28/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐ-PT ngày 17/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐ-PT ngày 25/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã C (Viết tắt: Hợp tác xã C).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H– Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Tầng II, chợ du lịch L, đường N, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H- Luật sư, Công ty Luật hợp danh V, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 37, đường P, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quang

M - Luật sư, Công ty Luật hợp danh V, thuộc đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số 37, đường P, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hồ Mai P– Sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 107, đường D, phường C, quận K, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Mai P: Ông Phạm Trung K. Địa chỉ: CH612-CT12C KĐT L, phường Đ, quận M, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Quang H- Luật sư, Văn phòng Luật sư L thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 26, đường T, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Triệu Thị Hương G – Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 10, đường DD, khu biệt thực S – Số 92, đường Nguyễn Hữu C, phường 22, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị Hương G: Bà Hồ Mai P. Địa chỉ: Số nhà 107, đường D, phường C, quận K, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu C– Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 333, phố Z, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Hợp tác xã C; Bị đơn Bà Hồ Mai P; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày:

Hợp tác xã C được thành lập từ ngày 13/10/2014 do Phòng tài chính kế hoạch thành phố L cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã lần đầu vào ngày 13/10/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/11/2021, có chức năng kinh doanh khai thác và quản lý chợ tại chợ du lịch L, thành phố L. Từ khoảng năm 2018, Bà Hồ Mai P có quen biết với ông Nguyễn Hữu C, nguyên là Giám đốc Hợp tác xã C. Đầu năm 2020, bà P có nhu cầu mua ki ốt tại dự án chợ du lịch L do Hợp tác xã C làm chủ đầu tư để kinh doanh. Quá trình bàn bạc và thống nhất, bà P quyết định mua căn số 50 mặt tường D với số tiền hai bên thỏa thuận là 3.000.000.000VNĐ. Từ ngày 24/9/2020 đến ngày 03/12/2020, bà P đã chuyển tiền trực tiếp và nhờ bà Triệu Thị Hương G (*là bạn của Bà Hồ Mai P*) chuyển 04 lần, với tổng số tiền 2.000.000.000VNĐ, với nội dung "*Chuyển tiền đặt cọc mua 1 Shophouse và 1 kiốt chợ du lịch L của Hồ Mai P*".

Đến ngày 16/12/2020, Hợp tác xã C và bà P đã ký hợp đồng sử dụng kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT. Theo nội dung hợp đồng, Hợp tác xã C chuyển quyền sử dụng ki ốt số 50 tại chợ du lịch L cho Bà Hồ Mai P được sử dụng đến hết thời gian còn lại của dự án 65 năm là ngày 05/11/2085. Số tiền chuyển quyền sử dụng ki ốt hai bên thỏa thuận là 3.000.000.000VNĐ đã bao gồm 10% thuế VAT. Tại điều 5 của hợp đồng hai bên đã thỏa thuận: "*Ngay sau khi ký hợp đồng này, bên B thanh toán 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt"*. Nhưng trên thực tế đến ngày 16/12/2020 bà P chưa trả cho Hợp tác xã C số tiền 1.000.000.000VNĐ còn lại, nên Hợp tác xã C chưa thể bàn giao Shophouse số 50 cho bà P. Sau nhiều lần liên lạc để yêu cầu bà P trả số tiền còn lại nhưng bà P chưa trả. Sau đó bà P tự liên hệ với ông C để hủy giao dịch, không lấy Shophouse số 50 nữa, đòi lại số tiền 2.000.000.000VNĐ đã đặt cọc. Do tinh thần căng thẳng mệt mỏi, bị bà P liên tục khủng bố tinh thần bằng điện thoại, tin nhắn nên ngày 05/02/2021 ông C và bà P đã có văn bản thỏa thuận, Hợp tác xã C nhất trí hoàn trả số tiền đã đặt cọc và chuyển số tiền đặt cọc mua Shophouse số 50 với số tiền 2.000.000.000VNĐ thành tiền vay và bà P yêu cầu Ông Nguyễn Hữu C ký xác nhận trả số tiền 2.000.000.000VNĐ trong vòng 5 tháng với tiền lãi suất là 1%/tháng, bà P đưa ra điều kiện là tài sản đảm bảo thanh toán là kiốt số 50 mặt đường D của dự án (Đến ngày 5/7/2021 nếu Hợp tác xã C không thanh toán đủ cho bà Psố tiền 2.100.000.000VNĐ thì căn kiốt số 50 mặt đường D của dự án chợ du lịch L thuộc sở hữu của Bà Hồ Mai P). Nội dung thỏa thuận trong biên bản xác nhận ngày 05/02/2021 là của cá nhân Ông Nguyễn Hữu C nhân danh Hợp tác xã C tự ý ký thỏa thuận xác nhận chuyển từ tiền đặt cọc mua Shophouse số 50 thành tiền vay là không đúng bản chất của sự việc và không đúng với ý chí nguyện vọng của bà P là chuyển tiền để được sử dụng kiốt Shophouse. Hợp tác xã C nhận thấy biên bản xác nhận ngày 05/02/2021 giữa ông C và bà P là không hợp pháp. Từ việc ký biên bản xác nhận ngày 05/02/2021 là văn bản trái pháp luật nên kế toán Hợp tác xã C là bà Lê Thị O không biết việc thỏa thuận trái pháp luật này mà chỉ chuyển tiền trả khoản tiền lãi suất thỏa thuận theo lệnh của ông Nguyễn Hữu C. Từ ngày 08/02/2021 đến ngày 02/01/2022, Hợp tác xã C đã trả khoản tiền lãi suất của số tiền chậm trả cho Bà Hồ Mai P là 255.500.000VNĐ.

Hợp tác xã C nhận thấy thỏa thuận giữa cá nhân ông C nhân danh Hợp tác xã C với cá nhân bà P là không hợp pháp, không thông qua cổ đông trong hợp tác xã. Hợp tác xã C không vay tiền của Bà Hồ Mai P mà số tiền 2.000.000.000VNĐ là tiền bà P đặt cọc mua Shophouse số 50. Việc bà P không trả nốt số tiền 1.000.000.000VNĐ còn thiếu khi giao dịch căn Shophouse số 50 làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã. Hợp tác xã C khởi kiện đề nghị Tòa án thành phố L, tỉnh Lào Cai giải quyết:

Buộc Bà Hồ Mai P phải tiếp tục thực hiện hợp đồng sử dụng kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT mà Hợp tác xã C và Bà Hồ Mai P đã giao kết ngày 16/12/2020.

Tuyên bố giao dịch (Biên bản xác nhận ngày 05/02/2021) giữa Hợp tác xã C do Ông Nguyễn Hữu C là đại diện và Bà Hồ Mai P xác lập là giao dịch dân sự vô hiệu.

Yêu cầu Bà Hồ Mai P trả cho Hợp tác xã C số tiền còn lại thiếu khi sử dụng kiốt thương mại số 50 là 1.000.000.000VNĐ và khoản tiền lãi suất tính từ ngày 16/12/2020 cho đến ngày 15/11/2022 với mức lãi suất 12%/1 năm với số tiền là 230.000.000VNĐ.

Buộc Bà Hồ Mai P hoàn phải trả lại cho Hợp tác xã C số tiền 255.500.000VNĐ khoản tiền đã chuyển sai cho Bà Hồ Mai P. Tổng cộng số tiền Hợp tác xã C yêu cầu Bà Hồ Mai P phải hoàn trả cho Hợp tác xã C là 1.485.500.000VNĐ.

Bị đơn trình bày:

Bà P có quen biết với Ông Nguyễn Hữu C là Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc của Hợp tác C. Sau khi trao đổi với ông C về dự án chợ du lịch L do Hợp tác xã C là chủ đầu tư, bà P có trao đổi với bạn là bà Triệu Thị Hương G cùng mua Shophouse tại chợ du lịch L, bà G đồng ý và có chuyển tiền cho ông C đặt cọc để mua Shophouse tại chợ du lịch L cùng với bà P. Từ ngày 24/9/2020 đến ngày 03/12/2020 bà P và bà G đã chuyển cho Ông Nguyễn Hữu C 04 lần tiền với tổng số tiền là 2.000.000.000VNĐ. Sau đó, bà G không đầu tư cùng mua Shophouse tại dự án chợ du lịch L với bà P nữa và bà P đã chuyển trả cho bà G số tiền 1.000.000.000VNĐ mà bà G đã chuyển cho ông C. Như vậy số tiền 2.000.000.000VNĐ đã đặt cọc mua Shophouse số 50 là của Bà Hồ Mai P. Sau đó, ông C nhiều lần giục bà P nộp tiếp số tiền 1.000.000.000VNĐ nên bà P yêu cầu được ký hợp đồng mua bán Shophouse thì mới chuyển tiền tiếp. Ngày 15/12/2020 ông C hẹn bà P đến quán ăn tại Hà Nội để ký Hợp đồng mua bán Shophouse nhưng thực tế là ông C đưa cho bà P hợp đồng thuê ki ốt thương mại, bà P nhận thấy hợp đồng đó không đủ điều kiện để ký nhưng vì đã giao tiền đặt cọc từ trước nên bà P đã ký vào hợp đồng trên, không có công chứng viên và cũng không biết hợp đồng đó bao giờ được công chứng. Ngày 16/12/2020 ông C gọi Zalo cho bà P và nói là đang ở, bà P không được nghe Công chứng viên đọc nội dung bản hợp đồng mà ông C đem đến phòng công chứng. Bà P cũng không điểm chỉ hay xác nhận vào bản hợp đồng ngày 16/12/2020 vì ngày 16/12/2020 bà Pđang ở Hà Nội không có mặt tại Lào Cai. Ngày 17/12/2020 ông C gọi điện thoại cho bà P, nói rằng hợp đồng đã được ông C mang đi công chứng nhưng không hợp lệ, ông C đề nghị bà P ký lại. Ngày 17/12/2020 vợ ông C đến nhà bà P tại Hà Nội, giao cho bà P 4 bản hợp đồng "*Hợp đồng thuê ki ốt thương mại dịch vụ tổng hợp*", mỗi bản có kẹp một tờ đã công chứng và đóng dấu sẵn. Bà P đã chụp lại bản hợp đồng này và tờ giấy viết tay của ông C hướng dẫn cách bà P ký vào hợp đồng. Đến ngày 21/12/2020 bà Pgửi email cho ông C để thông báo nội dung không mua Shophouse số 50 nữa. Ngày 22/12/2020 ông C đã trả lời bà P bằng email đồng ý hoàn lại số tiền mà bà P đã nộp và đề nghị do Hợp tác xã C

đang khó khăn về tiền mặt nên chuyển số tiền phải hoàn trả thành khoản tiền vay trong 5 tháng với lãi suất 1%/tháng. Ngày 06/2/2021 vợ ông C đã chuyển đến cho bà P "Biên bản xác nhận", nội dung bà P không mua hai ki ốt thương mại số 49 và số 50 nữa, và thống nhất Hợp tác xã C phải hoàn trả số tiền đặt cọc là 2.000.000.000VNĐ trong vòng 5 tháng kể từ ngày ký biên bản xác nhận, kèm theo mức lãi xuất là 1%/tháng. Ngoài ra còn thỏa thuận đến ngày 5/7/2021 nếu không trả đủ số tiền 2.100.000.000VNĐ cho bà P thì ki ốt số 50 sẽ thuộc sở hữu của bà P. Do tình hình dịch bệnh nên ông C xin gia hạn thời gian hoàn trả đến ngày 04/01/2022 và đã trả đủ lãi suất chậm trả. Khi Hợp tác xã C không thực hiện đúng biên bản thỏa thuận ngày 05/02/2021, bà P đã yêu cầu ông Cbàn giao kiot số 50 hoặc trả lại tiền thì bà P được ông C cho biết bà P đã ký vào hợp đồng thuê ki ốt thương mại số 50 và đã được công chứng, nên không có quyền nhận lại nữa. Ngày 10/10/2022, bà P đã làm đơn khiếu nại đến Trưởng Phòng công chứng L, đề nghị thẩm tra, xác minh đối với Hợp đồng số 50 ngày 16/12/2020. Do giữa các bên tham gia giao kết đã thống nhất thỏa thuận chấm dứt thực hiện hợp đồng và thực tế Hợp tác xã C đã ban hành văn bản thỏa thuận giữa các bên là chấm dứt thực hiện hợp đồng và có cam kết hoàn trả khoản tiền đặt cọc đã nhận và trả khoản lãi suất chậm trả, nên bà P không tiếp tục khiếu nại nữa. Quá trình thực hiện thỏa thuận ngày 05/02/2021 về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng, Hợp tác xã C đã trả cho bà P khoản tiền lãi suất tính từ ngày 05/02/2021 đến ngày 04/01/2022 là 255.500.000VNĐ theo bảng kê tổng hợp trả tiền lãi cho bà P của Hợp tác xã C lập. Đến nay Hợp tác xã C không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận mà lại khởi kiện bà P yêu cầu phải tiếp tục thực hiện hợp đồng số 50/2020/HĐT ngày 16/12/2020. Do đó, bà P có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Hợp tác xã C thực hiện đúng nội dung biên bản xác nhận ngày 05/02/2021 về việc chấm dứt thực hiện hợp đồng do Ông Nguyễn Hữu C là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã C xác lập và đóng dấu. Hoàn trả bà P số tiền 2.000.000.000VNĐ và khoản tiền lãi suất tính từ ngày 05/01/2022 cho đến ngày mở phiên tòa 11/7/2023 theo mức lãi suất chậm trả 1%/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Hương G trình bày: Bà Gcó quan hệ quen biết với Bà Hồ Mai P, ngày 23/11/2020 bà P có nhờ bà G chuyển tiền cho Ông Nguyễn Hữu C là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã C 02 lần với số tiền 1.000.000.000VNĐ. Khi chuyển tiền bà G có ghi nội dung: "*Chuyển tiền đặt cọc mua 1 Shophouse và 1 ki ốt chợ du lịch L của Hồ Mai P*". Thực tế số tiền này là bà G chuyển hộ cho bà P, bà G không có bất cứ giao kết nào với ông Nguyễn Hữu C. Việc đặt mua Shophouse và 1 ki ốt tại chợ du lịch L hoàn toàn do bà P quyết định. Số tiền 1.000.000.000VNĐ đã chuyển cho Hợp tác xã C là của bà P, bà P được toàn quyền sở hữu và định đoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu C trình bày:

Ông C và Bà Hồ Mai P có quan hệ là bạn quen biết. Do bà P có nhu cầu sử dụng ki ốt thương mại tại chợ du lịch L để kinh doanh nên ngày 16/12/2020 ông C với tư cách là Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc là người đại diện

theo pháp luật của Hợp tác xã C, ký hợp đồng sử dụng ki ốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT với Bà Hồ Mai P. Theo đó bà Pcó quyền sử dụng ki ốt số 50 tại chợ du lịch L, bà P phải chuyển trả đủ cho Hợp tác xã C số tiền 3.000.000.000VNĐ bằng 100% giá trị của hợp đồng. Hợp đồng số 50/2020/HĐT ngày 16/12/2020 được công chứng tại Phòng công chứng L. Bà Pđã chuyển 02 lần tiền và bà G là bạn bà P có chuyển 02 lần, tổng cộng là 2.000.000.000VNĐ, mục đích chuyển tiền để sử dụng ki ốt theo thỏa thuận đã ký trong hợp đồng. Nhưng sau đó bà P có gửi cho ông C nội dung thông báo về việc không mua ki ốt thương mại số 50 nữa. Do bị sức ép đòi tiền từ bà P nên ngày 05/02/2021 ông C có ký 01 giấy xác nhận với nội dung thỏa thuận không tiếp tục thực hiện hợp đồng sử dụng ki ốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT với bà P và có thỏa thuận Hợp tác xã C thống nhất hoàn lại số tiền 2.000.000.000VNĐ và lãi suất chậm trả cho bà P. Việc bà Pcó yêu cầu phản tố, yêu cầu Hợp tác xã C thực hiện đúng nội dung thỏa thuận của giấy xác nhận ngày 05/02/2021, hoàn trả cho bà Psố tiền 2.000.000.000VNĐ và khoản tiền lãi suất từ ngày 05/01/2022 đến nay. Quan điểm của ông C, nếu không giao kết được hợp đồng với nhau thì Hợp tác xã C sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận. Do không còn là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã C nữa, nhưng về phía cá nhân Ông Nguyễn Hữu C sẽ thuyết phục Hội đồng quản trị của Hợp tác xã C hoàn trả lại khoản tiền 2.000.000.000VNĐ cho bà P và bà G trong thời gian 6 tháng hết tháng 6/2023. Khoản tiền lãi suất bà P đã nhận thì hoàn trả lại cho Hợp tác xã C.

Tại phiên tòa xét xử ngày 11/7/2023 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Hợp tác xã C đã thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giải quyết: Buộc Bà Hồ Mai P phải tiếp tục thực hiện hợp đồng sử dụng kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT mà Hợp tác xã C và bà P đã giao kết ngày 16/12/2020 và trả nốt số tiền còn thiếu là 2.000.000.000VNĐ cho HTX C; Tuyên bố giao dịch (Biên bản xác nhận ngày 05/2/2021) giữa Hợp tác xã C do Ông Nguyễn Hữu C là đại diện và Bà Hồ Mai P xác lập là giao dịch dân sự vô hiệu. Buộc Bà Hồ Mai Pphải trả lãi suất chậm trả số tiền 2.000.000.000VNĐ kể từ ngày 16/12/2020 cho đến ngày 11/7/2023 với mức lãi suất là 1%/tháng, số tiền là 616.000.000VNĐ; Buộc Bà Hồ Mai P phải hoàn trả cho Hợp tác xã C số tiền 255.500.000VNĐ khoản tiền lãi suất đã chuyển sai cho Bà Hồ Mai P. Tổng cộng số tiền Hợp tác xã C yêu cầu bà Pphải hoàn trả cho Hợp tác xã C là 2.871.500.000VNĐ.

Bản án số 05/2023/KDTM-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3, Điều 4 Luật Thương mại; Điều 385; Điều 472; Điều 357; khoản 2, Điều 422; Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã C về việc buộc Bà Hồ Mai P phải tiếp tục thực hiện hợp đồng sử dụng kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT mà Hợp tác xã C và Bà Hồ Mai P đã giao kết ngày 16/12/2020; Tuyên giao dịch ngày 05/2/2021 giữa Hợp tác xã C do Ông Nguyễn Hữu C và Bà Hồ Mai P ký ngày 05/2/2021 là giao dịch dân sự vô hiệu; Yêu cầu Bà Hồ Mai P thanh toán trả cho Hợp tác xã C khoản tiền còn lại thiếu khi sử dụng kiốt thương mại số 50 là 1.000.000.000VNĐ, khoản tiền lãi suất chậm trả là 230.000.000VNĐ và 255.500.000VNĐ khoản tiền đã chuyển sai cho Bà Hồ Mai P. Tổng cộng là 1.485.500.000VNĐ (*Một tỷ ,bốn trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Bà Hồ Mai P. Buộc Hợp tác xã C phải hoàn trả cho Bà Hồ Mai P số tiền 2.000.000.000VNĐ (*Hai tỷ đồng*) và khoản tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 05/02/2021 cho đến ngày mở phiên tòa 11/7/2023 là 584.000.000VNĐ (*Năm trăm tám mươi bốn triệu đồng*), nhưng được khấu trừ số tiền Hợp tác xã C đã trả cho Bà Hồ Mai P là 255.500.000VNĐ (*Hai trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng*), số tiền lãi suất chậm trả Hợp tác xã C còn phải trả cho Bà Hồ Mai P là 328.500.000VNĐ (*Ba trăm hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*). Tổng cộng các khoản tiền Hợp tác xã C phải hoàn trả cho Bà Hồ Mai P là 2.328.500.000VNĐ (*Hai tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 24/7/2023 Bị đơn Bà Hồ Mai P kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên thêm nội dung xử lý đối với tài sản là ki ốt số 50, chợ du lịch L để đảm bảo việc thi hành án, tránh việc tẩu tán tài sản của Hợp tác xã C.

Ngày 25/7/2023, Nguyên đơn Hợp tác xã C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc bà P phải tiếp tục thực hiện hợp đồng sử dụng kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT mà Hợp tác xã C và Bà Hồ Mai P đã ký ngày 16/12/2020 và trả cho HTX số tiền còn thiếu khi sử dụng ki ốt thương mại số 50 là 1.000.000.000 đồng; Tuyên Biên bản xác nhận ngày 05/2/2021 giữa Ông Nguyễn Hữu C và Bà Hồ Mai P là vô hiệu; Buộc bà P phải trả lại cho Hợp tác xã C số tiền 255.500.000 đồng; Buộc bà P phải bồi thường thiệt hại cho Hợp tác Cường Phát của khoản tiền 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 16/12/2020 đến ngày 12/7/2023 với lãi suất 12%/năm với số tiền là 310.000.000VNĐ.

Ngày 08/8/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu C kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của Hợp tác xã C và sửa bản án sơ thẩm: Yêu cầu bà P tiếp tục thực hiện hợp đồng số 50/2020/HĐT đã ký ngày 16/12/2020, trả số tiền còn thiếu là 2.000.000.000VNĐ và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã C; Tuyên

Biên bản thỏa thuận ngày 05/2/2021 giữa Ông Nguyễn Hữu C nhân danh HTX C và Bà Hồ Mai P ký xác nhận với Bà Hồ Mai P là vô hiệu; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà P về việc yêu cầu HTX C trả cho bà P số tiền 2.000.000.000VNĐ và 584.000.000VNĐ tiền lãi vì biên bản thỏa thuận ngày 05/2/2021 giữa ông C và bà P là không hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 308 khoản 3; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo là Ông Nguyễn Hữu C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 312, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn Hợp tác xã C, bị đơn Bà Hồ Mai P. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo là ông Nguyễn Hữu C. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân (TAND) thành phố L xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*" giữa bên cho thuê tài sản là Hợp tác xã C với bên thuê tài sản là Bà Hồ Mai P. Nguyên đơn Hợp tác xã C lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện để giải quyết tranh chấp và TAND thành phố L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, 35, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án khởi kiện trong thời hiệu quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Nguyên đơn Hợp tác xã C; Bị đơn Bà Hồ Mai P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu C nộp trong hạn luật định, có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án Buộc bà P phải tiếp tục thực hiện hợp đồng sử dụng kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT mà Hợp tác xã C và bà P đã giao kết ngày 16/12/2020; Tuyên bố giao dịch (Biên bản xác nhận ngày 05/2/2021) giữa Hợp tác xã C do Ông Nguyễn Hữu C là đại diện và Bà Hồ Mai P xác lập là giao dịch dân sự vô hiệu; Yêu cầu bà P trả cho Hợp tác xã C số tiền còn lại thiếu khi sử dụng kiốt thương mại số 50 là 1.000.000.000VNĐ và khoản tiền lãi suất tính từ ngày 16/12/2020 cho đến ngày 15/11/2022 với mức lãi suất 12%/1 năm với số tiền là 230.000.000VNĐ. Buộc bà P phải trả lại cho Hợp tác xã C số tiền 255.500.000VNĐ khoản tiền đã chuyển sai cho Bà Hồ Mai P. Tổng cộng số tiền Hợp tác xã C yêu cầu bà P phải hoàn trả cho Hợp tác xã C là 1.485.500.000VNĐ.

Tại phiên tòa ngày 11/7/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, buộc bà P phải trả số tiền còn thiếu khi sử dụng ki ốt thương mại số 50 cho Hợp tác xã C là 2.000.000.000VNĐ và phải trả lãi suất chậm trả số tiền 2.000.000.000VNĐ kể từ ngày 16/12/2020 cho đến ngày 11/7/2023 với số tiền là 616.000.000VNĐ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và chỉ xem xét đối với nội dung khởi kiện ban đầu là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 244 của Bộ luật TTDS.

[4] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 16/12/2020 Hợp tác xã C và Bà Hồ Mai P có ký kết hợp đồng thuê kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT với nội dung thỏa thuận: Hợp tác xã C cho bà P độc quyền sử dụng kiot để kinh doanh, thương mại, dịch vụ..., với giá thuê ki ốt là 3.000.000.000VNĐ. Trước khi ký kết hợp đồng bà P đã chuyển tiền đặt cọc cho Ông Nguyễn Hữu C là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã C với tổng số tiền 2.000.000.000VNĐ (trong đó bà P chuyển 02 lần tiền và bà Triệu Thị Hương G là bạn của bà P chuyển 02 lần) vào các ngày 24/9/2020; ngày 23/11/2020 và ngày 03/12/2020. Đến ngày 21/12/2020 bà P đã gửi email cho ông C với nội dung từ chối mua ki ốt bán hàng tại chợ du lịch L. Đến ngày 22/12/2020 ông C trả lời bằng email đồng ý chuyển tiền đặt cọc của bà P thành tiền vay, lãi xuất 12%/năm theo ý của bà P(nội dung này được lập vi bằng tại Văn phòng Thừa phát lại Hà Nội). Ngày 05/2/2020 Hợp tác xã C và Bà Hồ Mai P đã ký văn bản xác nhận với nội dung: Số tiền 2.000.000.000đ bà P đã chuyển cho Hợp tác xã C để đặt cọc mua ki ốt 49, 50 bà P không mua nữa nên Hợp tác xã C sẽ hoàn trả số tiền đã đặt cọc, trong vòng 5 tháng kể từ ngày ký biên bản với lãi suất 1%/tháng. Nếu Hợp tác xã C không thanh toán đủ cho bà P số tiền 2.000.000.000đ thì căn ki ốt số 50 thuộc sở hữu của bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng thuê kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT được giao kết giữa bên cho thuê là Hợp tác xã C, người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Hữu C- Chủ tịch hội đồng quản trị - Chủ nhiệm Hợp tác xã, với bên thuê

Bà Hồ Mai P. Hợp đồng được hai bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng 50/2020/HĐT, đến ngày 05/2/2020 Hợp tác xã C (người đại diện là ông Nguyễn Hữu C) và Bà Hồ Mai P đã có Biên bản xác nhận, nội dung hai bên thỏa thuận vì lý do cá nhân bà P không mua ki ốt số 50 mặt đường D của dự án chợ du lịch L và Hợp tác xã C sẽ hoàn trả lại cho bà Psố tiền bà P đã đặt cọc là 2.000.000.000đ trong vòng 5 tháng kể từ ngày ký biên bản với lãi suất 1%/tháng. Sau khi ký biên bản xác nhận, Hợp tác xã C đã chuyển trả cho bà P khoản tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 05/02/2021 đến ngày 04/01/2022 tổng cộng là 255.500.000VNĐ.

Như vậy, hợp đồng thuê kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT ngày 16/12/2020 đã chấm dứt hiệu lực theo sự thỏa thuận của HTX C và bà P tại biên bản xác nhận ngày 05/02/2021, hợp đồng trên không còn hiệu lực thi hành đối với các bên. Việc chấm dứt hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 11.1 Điều 11 của hợp đồng số 50/2020/HĐT và Điều 422 của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Hồ Mai P có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Hợp tác C thực hiện đúng nội dung biên bản xác nhận thỏa thuận ngày 05/02/2021, hoàn trả bà P số tiền 2.000.000.000VNĐ và khoản tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 05/01/2022 cho đến ngày mở phiên tòa.

Xét thấy: Trước khi ký kết hợp đồng số 50/2020/HĐT bà P có chuyển tiền đặt cọc mua 1 Shophouse và 1 kiốt chợ du lịch L cho Ông Nguyễn Hữu C với tổng số tiền 2.000.000.000VNĐ. Toàn bộ số tiền 2.000.000.000VNĐ đã được chuyển vào Hợp tác xã, được thể hiện qua các phiếu thu ngày 24/9/2020; phiếu thu ngày 16/11/2020 và phiếu thu ngày 03/12/2020. Thời điểm bà P chuyển tiền mua ki ốt cho ông C thì ông C đang là người đại diện theo pháp luật kiêm Giám đốc của Hợp tác xã C. Tại bản trình bày của bà Triệu Thị Hương G ngày 10/3/2023 đã xác định bà chuyển số tiền 1.000.000.000VNĐ vào tài khoản của ông C là chuyển hộ cho bà P để đặt cọc mua shophouse và ki ốt chợ du lịch L, toàn bộ số tiền trên là của Bà Hồ Mai P. Tại biên bản xác nhận ngày 05/2/2021 Hợp tác xã C đã xác nhận hoàn trả cho bà Psố tiền đặt cọc là 2.000.000.000đ trong vòng 5 tháng kể từ ngày ký biên bản với lãi suất 1%/tháng, Kế toán của Hợp tác xã C là bà Lê Thị O cũng đã chuyển trả cho bà P khoản tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 05/02/2021 đến ngày 04/01/2022 là 255.500.000VNĐ qua tài khoản của Bà Hồ Mai P tại ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam. Tại phiên tòa ngày 11/7/2023 bà O cũng khẳng định bà đã chuyển số tiền 255.500.000VNĐ vào tài khoản của bà P theo sự chỉ đạo của Giám đốc Hợp tác xã C là ông Nguyễn Hữu C. Như vậy có căn cứ khẳng định ông Cđã chuyển khoản tiền mà bà Pđặt cọc vào Hợp tác xã C, việc Hợp tác xã C đã thỏa thuận với bà P hoàn trả khoản tiền 2.000.000.000đ và tính lãi chậm trả với mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp quy định pháp luật và có giá trị bắt buộc các bên phải thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét nội dung kháng cáo của Nguyên đơn Hợp tác xã C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu C:

[5.1] Nguyên đơn Hợp tác xã C cho rằng, bà P không thực hiện đúng điều 5 của hợp đồng thuê kiốt thương mại dịch vụ tổng hợp số 50/2020/HĐT, không thanh toán đủ 100% giá trị hợp đồng với số tiền là 3.000.000.000VNĐ đã vi phạm nguyên tắc tự cam kết, tự thỏa thuận trong quan hệ giao dịch dân sự và thương mại. Xét thấy: Sau khi ký kết hợp đồng 50/2020/HĐT, giữa Hợp tác xã C với bà P đã có biên bản xác nhận thỏa thuận ngày 05/02/2021, trong đó các bên đã xác nhận việc chấm dứt thực hiện hợp đồng số 50/2020/HĐT, do đó hợp đồng trên đã hết hiệu lực nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy đối với nội dung này nguyên đơn kháng cáo là không có căn cứ.

Ngoài ra, nguyên đơn còn cho rằng nội dung biên bản xác nhận ngày 05/02/2021 xung đột với khoản 13.5 Điều 13 của hợp đồng số 50/2020/HĐT, do vậy biên bản xác nhận nợ đó không thể thay thế các điều khoản đã quy định trước đó của hợp đồng. Tuy nhiên theo khoản 13.5 Điều 13 của hợp đồng số 50/2020/HĐT quy định: *"Những thay đổi, bổ sung vào Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được hai bên lập thành văn bản; Các phụ lục của hợp đồng gồm: biên bản giao nhận, tài liệu hồ sơ, bản vẽ, quy định về phòng cháy chữa cháy, nội quy, quy chế ban quản lý chợ...là một bộ phận không thể tách rời. Nếu có sự xung đột giữa hợp đồng này với các phụ lục thì nhưng văn bản ban hành sau không thay thế các văn bản trước".* Xét thấy Biên bản xác nhận ngày 05/2/2021 không phải là phụ lục không thể tách rời của hợp đồng số 50/2020/HĐT mà đây là thỏa thuận giữa Hợp tác xã C với bà P về việc chấm dứt hợp đồng, là giao dịch dân sự xác lập trên sự thỏa thuận giữa các bên. Vì vậy nội dung kháng cáo trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5.2] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu C cho rằng, đối với ki ốt số 50 bà Pmới chuyển vào tài khoản của Hợp tác xã do ông là chủ tài khoản với số tiền 1.000.000.000đ, số tiền còn lại là 2.000.000.000đ bà P vẫn chưa trả cho Hợp tác xã C. Xét thấy: Ngày 24/9/2020 và ngày 03/12/2020 Bà Hồ Mai P chuyển vào tài khoản của ông C là 1.000.000.0000đ, ngày 23/11/2020 bạn của bà Plà bà Triệu Thị Hương G chuyển vào tài khoản của ông C là 1.000.000.000đ, nội dung chuyển khoản đặt cọc mua shophouse và ki ốt của Hồ Mai P. Bà G cũng đã khẳng định số tiền bà chuyển cho ông C là tiền của bà P. Hợp tác xã C cũng thừa nhận bà P đã chuyển cho Hợp tác xã số tiền 2.000.000.000đ. Do đó kháng cáo trên của ông C là không có căn cứ.

Ông C còn cho rằng, biên bản xác nhận ngày 05/02/2021 được ông ký trong tình trạng bị bà P đe dọa, khủng bố tình thần, sức khỏe không đảm bảo, tuy nhiên ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Quá trình xét xử tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên bị coi là từ bỏ việc kháng cáo. Hội đồng xét

xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông C là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét kháng cáo của bị đơn Bà Hồ Mai P:

Bà Pkháng cáo yêu cầu tuyên nội dung xử lý đối với tài sản là ki ốt số 50, chợ du lịch L để đảm bảo việc thi hành án, tránh việc tẩu tán tài sản của Hợp tác xã C. Đối với yêu cầu này quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm đương sự không yêu cầu nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[7] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn Hợp tác xã C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của Nguyên đơn Hợp tác xã C, bị đơn Bà Hồ Mai P là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu C.

2. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn Hợp tác xã C, bị đơn Bà Hồ Mai P. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn Hợp tác xã C phải chịu 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000453 ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Nguyên đơn Hợp tác xã C còn phải nộp 1.700.000 đồng *(Một triệu bẩy trăm nghìn đồng).*

Bị đơn Bà Hồ Mai Pphải chịu 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Bà Hồ Mai P đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số 0000455 ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân

sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Bà P còn phải nộp 1.700.000 đồng *(Một triệu bẩy trăm nghìn đồng).*

Sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* Ông Nguyễn Hữu C đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số 0000482 ngày 15/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7 a, 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khánh Vân